

越南順化以北地區 2019 年「教育部華語文獎學金」申請辦法

駐越南臺北經濟文化辦事處 2019 年 1 月 22 日公告

中華民國(臺灣)教育部為鼓勵越南優秀青年學生赴臺灣學習華語文及認識臺灣文化，以促進雙方教育文化交流，加強彼此瞭解與友誼，特別設置華語文獎學金，提供越南青年學生申請。

一、獎學金名額：

越南順化(含)以北地區共 11 名，每名 12 個月，總共 132 個月。

二、獎學金期限：

- (一) 受獎期限：每名申請人可依個人實際需要申請赴臺灣研習華語文 2 個月、3 個月、6 個月、9 個月或 12 個月，然實際受獎期限需視當年申請人數及核定人數另行核定，並於獎學金證明書中敘明。
- (二) 年度受獎期間：自 2019 年 9 月 1 日起至 2020 年 8 月 31 日止。受獎生應依核定受獎期限，按時赴臺灣註冊，未能於該期間赴臺灣就學者，視同放棄受獎資格，不得保留至下年度。受獎生於學期(季)開始後註冊就學者，自抵校就學當月起核給獎學金。

三、獎學金待遇：

受獎生每人每月可獲獎學金新臺幣 25,000 元整(約為 840 美元)，受獎生應前往教育部立案之大學附設華語文教學中心(附件 1-臺灣各大學附設華語文教學中心名單)研習華語文。大學華語文中心原則將於每月 10 日前，依受獎生出席上課情形及學業成績合格標準，按月核發本項獎學金，惟第一個月獎學金需於抵臺後 1 至 2 個月，教育部才核撥，故建請備妥初期所需學費、房租(押金)及生活費至少 2,500 美元。

四、申請期限：

2019 年 2 月 1 日至 3 月 31 日止。

五、申請資格：

- (一) 申請人須為越南公民，具有越南國籍且戶籍地為順化(含)以北地區，具高級中等以上學校畢業學歷，學業成績優良，品行端正。
- (二) 有下列情形之一者，不得申請：
 1. 具僑生身分或中華民國國籍。
 2. 現已在臺研習華語文或曾在臺修讀學位課程。
 3. 曾受領本獎學金或台灣獎學金。
 4. 在臺灣研習期間同時為我國各大學校院與外國學校簽訂學術合作協議所招收之交換學生。
 5. 同時受領我政府機關(構)或學校所設置之獎助學金。

六、申請文件：

申請人須備齊下列申請文件，於申請期限內郵寄或送交報名地點：

- (一) 填妥「教育部華語文獎學金」申請表 1 份(附件 2，須黏貼 3 個月內 2 吋照片)
- (二) 越南籍身分證件或護照影印本 1 份及戶籍影本，戶籍地址須為順化(含)以北地區。
- (三) 最高學歷畢業證書及成績單影本各 1 份，須經各省司法科翻譯為中文或英文，並經越南外交部領事事務局驗證。
- (四) 華語文能力測驗(TOCFL)證書 1 級以上，或國際英語能力測驗成績證明影本 1 份。
- (五) 臺灣某大學附設華語文中心(目前共有 57 所華語文中心)之入學同意函影本 1 份，或已填妥之入學申請表影本 1 份，正本請自行寄送至擬就讀之華語文中心。
- (六) 學校師長或工作單位重要關係人之推薦信 2 封。
- (七) 研習計畫。

七、申請地點：

戶籍在順化市(含)以北地區的申請人，請將獎學金申請資料寄送至下列地址：

駐越南臺北經濟文化辦事處教育組

河內市紙橋郡范文白路1號PVI大樓20A(KT)樓

洽詢：Tel: 024-38335501 ext. 8458 Fax: 024-32262114

Email: tweduvn@gmail.com

***順化以南地區申請人，請向駐胡志明市臺北經濟文化代表處教育組申請；*

洽詢電話:028-38349160 ext. 2202~2203。

八、審核項目：

審核標準主要是參考申請人之(1)研習計畫、(2)學業成績、(3)語言能力、(4)推薦信函、(5)書面審查或面談表現。

九、作業時程：

2019年2月1日至3月31日受理申請；4月至5月底前審核資料、面談並公告初選錄取名單；初選錄取之候選人須於6月20日前繳交(1)大學華語文中心入學同意函(未獲入學同意函者不予錄取並取消候選資格)、(2)經驗證之學歷文件(畢業證書與成績單)、(3)外語能力證明(TOCFL、國際英語能力測驗成績證明正本，正本驗畢退還)；6月底前公告正式錄取名單並通知錄取人，並將擇期頒發教育部華語文獎學金證明書。7月底前參加赴臺研習行前說明會；8月申請臺灣簽證(受獎生自費)，自行購買機票、備妥註冊費及2-3個月生活費，準備搭機赴臺灣學習華語文。

十、受獎生應遵守事項：

- (一)受獎生應自行申請臺灣教育部立案之大學附設華語中心，前往臺灣研習華語文。
- (二)每週至少應修習15小時語言必修課程，不包含文化參訪、專題演講、自習等其他課程或活動。單月語言必修課若缺課達12小時以上者，停發1個月獎學金。連續2期學業平均成績均未達80分以上者，註銷獎學金資格。
- (三)受獎期間為1年之受獎生，於首次申請入學就讀之語言中心研習1學期(季)以上，可依各華語中心相關規定申請許可後辦理轉學。於受獎期間內，轉學以1次為限；1年期以下之受獎生，則不可申請轉學。
- (四)受獎生研習成績、品行或出席上課未符合規定時數者，將停發及註銷本獎學金。受獎期限最後1個月若提前回國而致當月缺課時數逾12小時者，須繳回當月份獎學金。
- (五)受獎生在臺灣不得非法工作，如經查獲未申請核准即在臺灣工作者，除立即註銷其受獎資格外，並應繳回自聘僱日起已獲領之本獎學金生活補助費。
- (六)受獎期限為6個月以上者，均需加入全民健康保險。未加入之前，應購買其他相關保險及學生平安保險，保險費得由所就讀華語中心自其獎學金中扣除。
- (七)受獎期限為6個月(含)以上者，應備妥健康檢查合格證明表，申請臺灣長期居留簽證；受獎期限少於6個月者，一律申請臺灣短期停留簽證，免附健康檢查合格證明表。簽證費用均由受獎人自行支付。
- (八)受獎期限為9個月以上者，來臺就讀後，應參加華語文能力測驗(TOCFL)3級(進階級)以上考試(考試費用由受獎生自行負擔)，並於受獎期限屆滿前1個月繳交測驗合格證書或成績單予就讀學校；未提交者，停發1個月獎學金。本項證書或成績單如於申請獎學金時即已提交，赴臺後可免再參加華測考試。
- (九)受獎生應簽署「教育部華語文獎學金承諾書」1份，並遵守本項獎學金相關規定。

十一、消息公告：

駐越南臺北經濟文化辦事處 http://www.roc-taiwan.org/vn_vi/index.html

駐越南臺北經濟文化辦事處教育組 <http://www.tweduvn.org>

Hướng dẫn xin Học bổng tiếng Hoa Bộ Giáo dục năm 2019 Khu vực Huế trở ra Bắc Việt Nam

Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam Thông báo

Ngày 22 tháng 1 năm 2019

Nhằm khuyến khích sinh viên ưu tú Việt Nam sang học tiếng Hoa, nghiên cứu và làm quen với nền Văn hóa của Đài Loan, tiến hành giao lưu văn hóa, tăng cường sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa hai bên, Bộ Giáo dục Đài Loan đặc biệt lập ra Học bổng tiếng Hoa dành cho các sinh viên Việt Nam.

I. Số suất học bổng:

Khu vực từ Huế trở ra Bắc Việt Nam tổng cộng có **11 suất, mỗi suất 12 tháng, tổng cộng 132 tháng.**

II. Thời gian nhận học bổng:

1. Thời gian nhận học bổng: Mỗi ứng viên có thể sang Đài Loan học tiếng Hoa từ 2 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng hoặc 12 tháng, tùy nhiên tùy vào số lượng ứng viên xin học bổng năm đó mà số tháng được cấp học bổng cũng sẽ được xem xét và thể hiện trong Chứng nhận học bổng.
2. **Thời gian nhận học bổng trong năm: từ ngày 1 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2020.** Người nhận học bổng phải tuân thủ theo thời gian nhận học bổng, đến Đài Loan đăng ký đúng hạn quy định. Trong thời gian đó người nhận học bổng không đến Đài Loan du học, đồng nghĩa với việc từ bỏ tư cách nhận học bổng, không được bảo lưu cho năm sau. Người nhận học bổng bắt đầu đăng ký học từ học kỳ (mùa) nào, thì trường sẽ căn cứ từ tháng đó phát tiền học bổng cho ứng viên.

III. Chế độ học bổng:

Tiền học bổng mỗi người có thể nhận mỗi tháng là 25,000 Đài tệ (**khoảng 840 USD**), người nhận học bổng phải xin học tại những Trung tâm tiếng Hoa được thành lập trong các trường Đại học theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan (file đính kèm 1: Danh sách các Trung tâm tiếng Hoa của các trường Đại học Đài Loan). Trước ngày 10 hàng tháng, các Trung tâm tiếng Hoa sẽ dựa thời gian lên lớp cũng như thành tích học tập của sinh viên để phát tiền học bổng. Chỉ duy nhất tháng học bổng đầu tiên, phải sau khi sang Đài Loan 1 đến 2 tháng, Bộ Giáo dục mới cấp bắt đầu phát tiền học bổng. **Ứng viên nên chuẩn bị cho thời gian đầu các chi phí như: học phí, phí thuê nhà (tiền cọc) và sinh hoạt phí ít nhất 2,500 USD.**

IV. Thời gian nộp hồ sơ xin học bổng:

Từ ngày 1 tháng 2 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2019.

V. Điều kiện xin học bổng:

1. Người xin học bổng phải là công dân Việt Nam, mang quốc tịch Việt Nam, có hộ khẩu từ

Huế trở ra Bắc, Tốt nghiệp THPT trở lên, thành tích học tập khá, phẩm chất đạo đức tốt.

2. Nếu thuộc diện dưới đây, không được tham gia học bổng này:

- A. Kiêu bào của Trung Hoa Dân Quốc tại nước ngoài, mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc.
- B. Đang theo học tiếng Hoa hoặc học vị tại Đài Loan.
- C. Từng nhận học bổng tiếng Hoa hoặc học bổng Đài Loan.
- D. Trong thời gian học tiếng Hoa tại Đài Loan đồng thời là sinh viên nằm trong diện trao đổi sinh viên giữa các trường Đại học Đài Loan và các trường nước ngoài.
- E. Đồng thời nhận thêm học bổng của các cơ quan chính phủ Đài Loan hoặc học bổng của các trường Đại học Đài Loan.

VI. Các giấy tờ cần thiết khi xin học bổng:

Người xin học bổng cần chuẩn bị những giấy tờ sau, gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp mang đến nơi tiếp nhận hồ sơ theo đúng thời gian quy định:

1. Điền đầy đủ thông tin vào đơn xin “Học bổng tiếng Hoa Bộ giáo dục” (dán kèm 1 ảnh 4x6 chụp trong 3 tháng gần nhất)
2. 1 bản photo giấy CMND hoặc hộ chiếu và 1 bản photo hộ khẩu, địa chỉ hộ khẩu phải từ Huế trở ra Bắc.
3. 1 bản photo bằng tốt nghiệp cao nhất và bảng điểm đã được các phòng công chứng dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hoa có đóng dấu xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam.
4. 1 bản photo Chứng chỉ năng lực Hoa ngữ (TOCFL) cấp 1 trở lên hoặc bảng điểm năng lực tiếng Anh quốc tế.
5. 1 bản photo giấy thông báo nhập học của trung tâm tiếng Hoa của trường Đại học Đài Loan, hoặc 1 bản photo mẫu đơn xin nhập học đã điền đầy đủ thông tin. Bản chính mời ứng viên tự nộp cho trung tâm tiếng Hoa mà mình đăng ký học.
6. Hai thư giới thiệu của giáo viên hoặc lãnh đạo nơi đang công tác.
7. Kế hoạch học tập.

VII. Nơi nộp hồ sơ:

Đối với những người có hộ khẩu từ Huế trở ra Bắc (bao gồm Huế), mời nộp hồ sơ tới địa chỉ dưới đây:

Phòng Giáo dục, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 20A(KT), Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024-38335501 ext 8458 Fax: 024-32262114

Email: tweduvn@gmail.com

Chú ý: Những người có hộ khẩu từ Huế trở vào Nam (không bao gồm Huế) vui lòng liên lạc Phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-38349160 ext 2202-2203

VIII. Tiêu chí đánh giá:

Chủ yếu dựa vào (1) Kế hoạch học tập (2) Thành tích học tập (3) Năng lực ngoại ngữ
(4) Thư giới thiệu (5) Khả năng thể hiện khi phỏng vấn

IX. Tiến độ xét duyệt:

tiến hành xét duyệt hồ sơ, phỏng vấn và công bố kết quả danh sách sơ tuyển; trước ngày 20 tháng 6, những ứng viên có tên trong danh sách sơ tuyển cần nộp (1) giấy thông báo nhập học của trung tâm tiếng Hoa (nếu sinh viên nằm trong danh sách sơ tuyển không nộp giấy báo nhập học, sẽ không được tham gia xét tuyển), (2) các giấy tờ đã được xác nhận cần thiết (bằng tốt nghiệp, bằng điểm) và (3) Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ bản gốc để đối chiếu (TOCFL, bằng điểm năng lực tiếng Anh quốc tế, bản gốc đối chiếu xong trả lại); trước cuối tháng 6 thông báo danh sách trúng tuyển chính thức đồng thời cấp giấy Chứng nhận học bổng tiếng Hoa Bộ giáo dục. Trước cuối tháng 7 thông báo tham gia buổi tọa đàm về du học Đài Loan; tháng 8 làm visa (Ứng viên tự chi trả phí làm visa), tự mua vé máy bay, chuẩn bị phí nhập học và 2-3 tháng tiền sinh hoạt phí, và chuẩn bị sang Đài Loan du học.

X. Những điều người nhận học bổng phải tuân thủ:

1. Người nhận học bổng phải tự xin vào học tiếng Hoa tại các trung tâm tiếng Hoa được thành lập trong trường Đại học theo quy định của Bộ giáo dục Đài Loan.
2. Mỗi tuần phải học ít nhất 15 giờ những môn bắt buộc, không bao gồm tham quan văn hóa, diễn thuyết chuyên đề và những hoạt động tự học khác. Trong 1 tháng người học vắng học trên 12 giờ đối với những môn bắt buộc, sẽ bị ngưng cấp học bổng 1 tháng. Trong hai kỳ liên tiếp điểm trung bình thấp hơn 80 sẽ bị hủy tư cách nhận học bổng.
3. Đối với những người nhận học bổng trong thời gian 1 năm, người học phải học ít nhất trên một học kỳ (mùa) trong đợt nhập học đầu tiên, có thể dựa theo quy định của các trung tâm tiếng Hoa, sau khi xin được giấy báo nhập học có thể làm thủ tục chuyển trường. Trong thời gian nhận học bổng, chỉ được chuyển trường 1 lần. Đối với những người nhận học bổng dưới 1 năm, không được xin chuyển trường.
4. Phẩm chất đạo đức, thành tích học tập và thời gian lên lớp của người nhận học bổng không phù hợp với quy định, sẽ ngưng cấp và hủy bỏ học bổng này. Tháng cuối cùng trong thời gian nhận học bổng, nếu về nước sớm mà tháng đó giờ lên lớp thiếu vượt quá 12 giờ, thì người nhận học bổng phải trả lại tiền học bổng của tháng đó.
5. **Ứng viên không được đi làm thêm. Nếu bị phát hiện, trường đang theo học sẽ hủy tư cách nhận học bổng, đồng thời sẽ bị truy thu lại tiền học bổng đã phát trước đó.**
6. Đối với những người nhận học bổng với thời gian trên 6 tháng, đều phải tham gia bảo hiểm y tế toàn dân. Trước khi tham gia loại bảo hiểm này, nên mua các loại bảo hiểm khác hoặc bảo hiểm tai nạn sinh viên, phí bảo hiểm Trung tâm ngoại ngữ sẽ trừ vào tiền học bổng.
7. Đối với ứng viên nhận học bổng từ 6 tháng trở lên, phải chuẩn bị giấy khám sức khỏe, xin

vi sa cư trú Đài Loan; những ứng viên nhận học bổng dưới 6 tháng, chỉ xin visa ngắn hạn thì không cần nộp giấy khám sức khỏe. Chi phí làm visa do ứng viên nhận học bổng tự chi trả.

8. Những ứng viên nhận học bổng 9 tháng trở lên, sau khi đến Đài Loan du học, phải tham gia Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ (TOCFL) phải đạt từ cấp 3 (Cấp Tiến cấp) trở lên (lệ phí thi do người nhận học bổng tự chi trả), đồng thời trước khi kết thúc thời gian nhận học bổng 1 tháng phải nộp giấy chứng nhận đạt yêu cầu hoặc bảng điểm; người không nộp sẽ bị ngừng phát học bổng 1 tháng. Giấy chứng nhận hoặc bảng điểm này nếu nộp ngay tại thời điểm nộp hồ sơ xin học bổng, sau khi đến Đài Loan du học không cần tham gia lại kỳ thi này.
9. Người nhận học bổng phải ký vào “Giấy cam kết của học bổng tiếng Hoa Bộ giáo dục” và tuân thủ những quy định liên quan của học bổng này.

XI. Công bố thông tin:

Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam:

http://www.roc-taiwan.org/vn_vi/index.html

Phòng Giáo dục, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam:

<http://www.tweduvn.org>

2019年教育部華語文獎學金申請表(越南順化以北地區)

Application Form for ROC (Taiwan)

Ministry of Education Huayu Enrichment Scholarship 2019

INSTRUCTIONS:

This application form should be typed and completed by the applicant. Each question must be answered clearly and completely. Detailed answers are required in order to make the most appropriate arrangements. If necessary, additional pages of the same size may be attached.

申請人請詳實工整填寫，慎勿遺漏，以利配合作業，如有需要，可自行以同款紙張加頁說明。

Please check the months you will learn Chinese (Huayu) in Taiwan 申請赴臺灣就讀華語月數：

Months 研習月數	12 個月	9 個月	6 個月	3 個月	2 個月(暑期)	
					6-7 月	7-8 月
Check (✓) 請勾選						

1. PERSONAL DATA 個人基本資料

a. NAME 姓名	Vietnamese Name 越文姓名： Chinese Name 中文姓名：	Please attach a photograph 4x6 that has been taken within the last 3 months. 最近三個月 4x6 相片
b. CITY and COUNTRY OF BIRTH 出生城市及國別		
c. NATIONALITY 國籍	*Note: If you are an overseas Chinese student, or hold a valid R.O.C. passport, you are not eligible to apply.	
d. CONTACT INFORMATION 聯絡地址、電話、電子郵件	Permanent Address 永久地址： Mailing Address (If different from above) 郵寄地址： Telephone 電話： E-mail 電子郵件： Cell phone:	
e. SEX 性別	<input type="checkbox"/> Male 男 <input type="checkbox"/> Female 女	
f. MARITAL STATUS 婚姻狀況	<input type="checkbox"/> Single 單身 <input type="checkbox"/> Married 已婚	
g. DATE OF BIRTH 生日	(Day 日 / Month 月 / Year 年):	
h. PAST RESIDENCE in TAIWAN 曾否居住台灣	<input type="checkbox"/> Never 否; <input type="checkbox"/> Yes, from (dd/mm/yr) to (dd/mm/yr); 是, 起迄日期; reason for staying in Taiwan 居住事由：	
i. Taiwan Scholarship/ Huayu Enrichment Scholarship Award History 台灣獎學金/華語文獎 學金受獎紀錄	<input type="checkbox"/> None 無; <input type="checkbox"/> Yes, from (dd/mm/yr) to (dd/mm/yr); 是, 起迄日期。 Type(s) of Scholarship Awarded: (獎學金類別)	
j. HEALTH CONDITION 健康狀況	<input type="checkbox"/> Excellent 優 <input type="checkbox"/> Good 良 <input type="checkbox"/> Fair 可	

k. ANY CHRONIC DISEASES 慢性病	<input type="checkbox"/> None 無 <input type="checkbox"/> Yes 有 - Please specify 請指明：
l. CONTACT PERSON, IN CASE OF EMERGENCY 緊急事件聯絡人	Name 姓名: Relationship 關係: Address 地址: Tel 電話: E-mail 電子郵件:

2. LANGUAGE PROFICIENCY 語言能力

English Test 英語能力證書: Date 日期(year/month): Level 通過等級: Score 總分:

Chinese Test 華語能力證書: Date 日期(year/month): Level 通過等級: Score 總分:

LANGUAGE PROFICIENCY 語言能力	COMPREHENSION 聽			READING 讀			WRITING 寫			SPEAKING 說		
	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可
CHINESE												
ENGLISH												
(Other)												

3. EDUCATIONAL BACKGROUND 教育背景

Level 程度	Name of Institution 校名	Country/City 地點	Period of Enrollment 修業年限
Secondary Education 中學			
Undergraduate Level Education 大學			
Graduate Level Education 研究所			

4. REFERENCES 推薦單位(人)資料

Name 姓名	Position 職務	Phone, E-Mail, or Mailing Address 電話及郵電地址

5. PREVIOUS EMPLOYMENT 工作經歷 (Use one line for each position)

Position 職務	Company/Organization 機構名稱	Period of Employment 服務期間	Responsibilities 負責工作

6. PRESENT EMPLOYMENT 現職狀況

a. COMPANY/ ORGANIZATION 機構名稱	
---	--

b. POSITION 職稱		c. From 起始日期
d. CONTACT INFORMATION 聯絡資訊	Address 地址： Tel 電話： Cell phone: Fax 電傳： E-mail 電子郵件：	
e. TYPE OF ORGANIZATION 機構種類	<input type="checkbox"/> Govt. Ministry/ Agency 政府部門 <input type="checkbox"/> University/ Institution 大學校院 <input type="checkbox"/> Govt./State-owned Enterprise 公營企業 <input type="checkbox"/> Locally-owned 私人企業 <input type="checkbox"/> Joint Venture 合資企業 <input type="checkbox"/> Foreign-owned 國際公司 <input type="checkbox"/> NGO Enterprise 非政府機構	

7. LANGUAGE CENTER WHERE YOU PLAN TO ATTEND IN TAIWAN 擬就讀之華語文中心

University-affiliated language center 大學附設華語中心

8. BRIEFLY STATE YOUR STUDY PLAN WHILE IN TAIWAN 請簡述到臺灣的讀書計畫

(Please attach your detail study plan in A4 paper. 請以 A4 紙另附詳細讀書計畫)

9. DECLARATION:

I declare that : (本人承諾)

- The information I have given on this application is complete and accurate to the best of my knowledge.
- 本人所提供之上述資料皆屬實。

Applicant's Signature : (申請人簽名) :

Date

____ / ____ / ____